**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CUỐN SÁCH**

**“KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

**Ở VIỆT NAM HIỆN NAY”**

**I. Thông tin khái quát về cuốn sách**

Cuốn sách **"*Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện***

***nay*”** do TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai làm chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật xuất bản năm 2022.

Ở đâu có quyền lực thì ở đó có yêu cầu kiểm soát quyền lực với vai trò như một công cụ điều tiết, bảo đảm cho quyền lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả, không bị lạm dụng, sử dụng sai mục đích, dẫn đến hậu quả tiêu cực. Trong lĩnh vực chính trị, vấn đề kiểm soát quyền lực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan đến lợi ích sống còn của một dân tộc, sự bền vững của một quốc gia, sự tồn vong của một chế độ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Ở Việt Nam, vấn đề kiểm soát quyền lực luôn được Đảng, Nhà nước ta chú trọng, không ngừng xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát quyền lực chính trị dưới các cấp độ, hình thức khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế, khuyết điểm trong kiểm soát quyền lực, là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Chính vì vậy, cuốn sách Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay do Tiến sĩ Nguyễn Thị Tuyết Mai làm chủ biên, là một đóng góp vào nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết nghiên cứu, tổng kết thực tiễn vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị ở nước ta hiện nay.

Với 3 chương, cuốn sách cung cấp những nội dung cơ bản về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị và thực trạng việc kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề ra những phương hướng, giải pháp tăng cường kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị.

**II.** **Lý do chọn cuốn sách.**

- Thực hiện chủ trương của Ban Giám đốc HVCTKV 1 về phát triển văn hóa đọc với mục đích nâng cao nhận thức, phát triển thói quen, kỹ năng đọc gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cá nhân, từ đó hình thành hành vi ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của từng cá nhân và đơn vị trong toàn Học viện góp phần nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện.

- Vấn đề kiểm soát quyền lực hiện nay nhận được nhiều sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, mặc đù đây không phải là một vấn đề mới, những vẫn là một vấn đề còn nhiều tranh cãi của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà nghiên cứu chuyên ngành Nhà nước và pháp luật, CTH, xây dựng Đảng...

Cuốn sách là một công trình nghiên cứu của đề tài nhánh cấp Nhà nước, nên nội dung của cuốn sách được trình bày khá giống với 1 đề tài nghiên cứu khoa học: đi từ cơ sở lý luận, thực trạng và từ đó đưa ra phương pháp và giải pháp.

**III. Nội dung cốt lõi của cuốn sách**

Để thực hiện mục tiêu của nghiên cứu, cuốn sách được tác giả chia thành 3

chương:

**Chương 1**: Cơ sở lý luận về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị.

**Chương 2**: Thực trạng kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt

Nam và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

**Chương 3**: Phương hướng và giải pháp tăng cường kiểm soát quyền lực

trong hệ thống chính trị.

Nội dung cơ bản của từng chương như sau:

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ.

1. **Khái lược về quyền lực chính trị, hệ thống chính trị và kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị.**

***1. Quyền lực chính trị:***

Trong nội dung I, trên cơ sở phân tích biểu hiện và các quan niệm khác nhau về quyền lực, quyền lực xã hội, quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị, tác giả đã đưa ra quan niệm về “QLCT là khả năng áp đặt ý chí và triển khai các biện pháp thực thi ý chí để đạt mục tiêu của chủ thể chính trị đối với đối tượng chịu sự kiểm soát của chủ thể”. Tiếp cận dưới từ góc độ chủ thể, quyền lực chính trị bao gồm: quyền lực nhà nước, quyền lực của các đảng chính trị, quyền lực của các chủ thể khác nhau hợp thành hệ thống chính trị trong xã hội.

***2. Hệ thống chính trị Việt Nam – tập hợp các thiết chế thực hiện QLCT***

Qua các công trình nghiên cứu về HTCT, khái niệm HTCT Việt Nam hiện nay được hiểu dưới 2 góc độ:

- HTCT là bộ phận quan trọng nhất, cơ bản nhất của nền chính trị.

- HTCT được xem xét như là một hệ thống các cơ chế thực hiện QLCT, QLNN. Cơ chế đó được thể hiện thông qua việc tổ chức và thực hiện QLCT, QLNN trong phạm vi các thiết chế của bộ máy NN và sự tham gia của nhân dân thông qua các cơ quan đại diện cho mình và thông qua các tổ chức khác như Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân.

Ở VN, khái niệm HTCT thường được tiếp cận tương đồng với quan điểm coi đó là tập hợp các tổ chức chính trị được thành lập hợp pháp, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, có mối liên hệ mật thiết với nhau nhằm thực thi quyền lực chính trị.

Tác giả trình bày sự ra đời của khái niệm HTCT ở Việt Nam và các cách góc độ nghiên cứu về HTCT ở Việt Nam, từ đó rút ra một số đặc trưng của HTCT Việt Nam: (1) Được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với các bộ phận hợp thành là ĐCS Việt Nam, NNCHXHCN Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội; (2) Do ĐCS Việt Nam là đảng chính trị duy nhất trong hệ thống chính trị Việt Nam lãnh đạo, đồng thời là đảng cầm quyền; (3)Thể hiện tính nhân dân sâu sắc, các bộ phận hợp thành của HTCT đều gắn bó với các giai cấp, tầng lớp nhân dân nhất định, hoạt động động vì nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân; (4) Vận hành theo nguyên tắc chung, bảm đảm tính hệ thống, tính thống nhất trong thực thi quyền lực chính trị.

***3. Kiểm soát quyền lực trong HTCT.***

Từ xem xét mối tương quan giữa kiểm soát với thanh tra, kiểm tra, giám sát, tác giả làm rõ đối tượng, nội dung, chủ thể của kiểm soát và đưa ra khái niệm kiểm soát quyền lực trong HTCT là toàn bộ những hoạt động xem xét, theo dõi, đánh giá nhằm ngăn ngừa, hạn chế, loại bỏ những nguy cơ, những hành vi sai trái của cơ quan, tổ chức, công chức, viên chức trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị, bảo đảm cho quyền lực chính trị được tổ chức và thực hiện đúng mục đích và hiệu quả.

Từ quan niệm trên, nếu nhìn vào HTCT thì kiểm soát là một chuỗi các hoạt động hiện diện ở mọi bộ phận trong HTCT và quá trình kiểm soát là phương tiện nhằm giúp cho HTCT đạt được các mục tiêu của mình.

***4. Tính tất yếu khách quan của kiểm soát quyền lực trong HTCT.***

Với tư cách là chủ thể nắm giữ QLCT, để cho quyền lực được thực thi đúng mục đích thì tất yếu phải được kiểm soát. Tính tất yếu khác quan của kiểm soát QLCT xuất phát từ những yếu tố sau:

* Yếu tố lịch sử.
* Kiểm soát QLCT nhằm bảo đảm chủ quyền nhân dân.
* Kiểm soát QLCT nhằm bảo đảm việc thực thi QLCT đúng mục đích và hiệu quả.
* Kiểm soát QLCT nhằm chế ước các vi phạm của các tổ chức và những người có trách nhiệm thực thi quyền lực.
* Kiểm soát QL trong HTCT còn xuất phát từ yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

**II. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm soát QLCT.**

***1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về kiểm soát QLCT.***

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* viết năm 1848, C.Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “QLCT, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác”. Theo C.Mác, trong xã hội, QLCT là thuộc về nhân dân và nhân dân là lực lượng nắm giữ quyền quyết định đến sự tồn tại của lập pháp (kể cả hành pháp và tư pháp) và phải kiểm soát được quyền lực đó.

Kế thừa và phát triển tư tưởng về kiểm soát QLNN của C.Mác, Lênin cho rằng, khi trở thành đảng cầm quyền, vấn đề kiểm soát quyền lực trong Đảng là vô cùng quan trọng. Khi ấy, Đảng lãnh đạo nhà nước không chỉ bằng cương lĩnh, chủ trương, đường lối, mà còn thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước và các tổ chức của Đảng.

- Theo Lênin, KSQL của các cá nhân đảng viên có chức vụ trong tổ chức bộ máy đảng chính quyền bằng hai cách:

*Thứ nhất*, tăng cường tự phê bình và phê bình trong Đảng. Đây là biện pháp quan trọng để xây dựng Đảng, kiểm soát quyền lực trong Đảng.

*Thứ hai*, kiểm tra, kiểm soát kỹ càng, sát sao hoạt động thực thi quyền lực của các cá nhân đảng viên có chức vụ trong tổ chức bộ máy đảng, chính quyền là việc rất cần thiết.

- Đối với các tổ chức đảng, theo V.I.Lênin, muốn kiểm soát quyền lực hiệu quả cần thực hiện một số biện pháp sau.

*Một là*, các tổ chức đảng phải chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ - nguyên tắc cơ bản trong xây dựng, tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

*Hai là*, thực hiện kiểm soát các tổ chức đảng từ ngoài Đảng, nhất là lôi cuốn quần chúng công nông ngoài đảng tham gia kiểm tra, kiểm soát. Để kiểm soát hiệu quả quyền lực nội bộ Đảng, đặc biệt kiểm soát quyền lực của các cơ quan Ban Chấp hành, V.I.Lênin đề xuất: nâng cao vai trò, vị thế của Ban Kiểm tra Trung ương tương đương như các cơ quan Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời độc lập tương đối với các cơ quan này.

***2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực chính trị.***

Là người có tầm nhìn xa và sự quyết liệt trong hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách để ngăn chặn vấn nạn lợi dụng quyền lực, tham nhũng và tha hóa quyền lực trong hệ thống công quyền. Và tư tưởng đó của Người đã thể hiện ngay từ năm 1919 khi Người cùng các bạn chiến đấu viết “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” gửi các đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và gửi Chính phủ Pháp.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lề lối làm việc” (1947), Hồ Chí Minh đã viết riêng một mục với tiêu đề “Lãnh đạo và kiểm soát”, trong đó Người khẳng định: kiểm soát là một nội dung cơ bản trong công tác lãnh đạo và phải kiểm soát cả những người lãnh đạo. Người cho rằng, “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”. Vì thế, nói đến KSQL là kiểm soát cán bộ với mục đích để dân không bị ức hiếp, mất quyền. Và Người đã đề ra các biến pháp sau để KSQL:

*Thứ nhất, phải phát huy quyền làm chủ, vai trò kiểm soát của nhân dân*.

*Thứ hai, phải giáo dục đạo đức cách mạng để cán bộ, đảng viên tự kiểm soát bản thân*.

*Thứ ba, phải giữ vững các nguyên tắc và kỷ luật của Đảng*.

*Thứ tư, phải nâng cao sức mạnh của pháp luật*.

*Thứ năm, phải đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra*.

*Thứ sau, phải tăng cường vai trò của báo chí trong việc KSQL*.

***3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về KSQLCT.***

ĐCSVN đã kế thừa và phát triển quan điểm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị, với việc tiếp thu những giá trị phổ biến của tư tưởng kiết soát quyền lực nlhư là thành tựu trung của nhân loại, vận dụng vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, và điều đó được thể hiện ở sự đổi mới tư duy chính trị-pháp lý qua các kỳ Đại hội Đảng và trong Cương lĩnh Chính trị xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đảng ta luôn thực hiện nghiêm nguyên tắc chủ quyền nhân dân, xác định “dân là gốc”, dân là chủ thể tối cao của quyền lực, đồng thời cũng là chủ thể KSQLCT đã được khẳng định trong lý luận và trong thực tiễn.

**III. Cách thức, căn cứ, hình thức, mức độ kiểm soát quyền lực chính trị và đặc điểm của kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị Việt Nam.**

***1. Cách thức, căn cứ, hình thức và mức độ kiểm soát quyền lực chính trị.***

*1.1. Cách thức kiểm soát quyền lực.*

KSQL phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cụ thể là:

- Mục đích kiểm soát quyền lực

- Chủ thể KSQL

- Chủ thể thực hiện quyền lực là đối tượng bị kiểm soát, có thể là cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Loại quyền lực và cách thức quyền lực đó được thực hiện bằng cách nào: cưỡng chế hay giáo dục, thuyết phục.

*1.2. Căn cứ để KSQLCT*

- Hoạt động quyền lực phải trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự ràng buộc của pháp luật.

- Thực hiện quyền lực phải kết hợp được cả giá trị, chuẩn mực văn minh, tiến bộ chung của nhân loại.

*1.3. Hình thức và mức độ KSQL.*

- Mức độ thứ nhất: chủ thể tự mình tham gia thực hiện quyền lực, hình thức thực hiện là trưng cầu dân ý.

- Mức độ thứ hai: KSQL là việc tham gia, góp ý cho việc ra quyết định của chủ thể có quyền lực.

- Mức độ thứ ba: KSQL là việc xử lý những sai lệch, vi phạm của chủ thể thực hiện quyền lực.

***2. Đặc điểm của KSQL trong hệ thống chính trị Việt Nam***

*2.1. KSQL trong HTCT Việt Nam được thực hiện trên nền tảng chủ quyền nhân dân*

KSQL trong HTCT Việt Nam được thực hiện trên nền tảng chủ quyền nhân dân, được thể hiện ở những nội dung sau:

*Một là*, KSQLCT thể hiện bản chất XHCN của HTCT Việt Nam, được tổ chức và thực hiện nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm chủ quyền tối cao trong toàn bộ HTCT – xã hội thuộc về nhân dân.

*Hai là*, KSQLCT trong HTCT Việt Nam là nhu cầu tất yếu khách quan từ chính chủ thể ủy quyền, trao quyền - nhân dân.

*Ba là,* với thẩm quyền chính trị - pháp lý cụ thể, quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HTCT sẽ sư rdungj những phương thức thực thi quyền lực rất đặc thù, đã được thể chế hóa thành các điều luật, các quy định.

*Bốn là*, khi KSQLCT trong HTCT Việt Nam được thực hiện trên nền tảng chủ quyền nhân dân, sẽ quy định cơ chế KSQLCT rất đa dạng với sự tham gia của nhiều chủ thể kiểm soát cũng như nội dung, đối tượng của việc kiểm soát được xác định rất phong phú.

* 1. *KSQLCT trong HTCT Việt Nam được thực hiện trong thể chế chính trị nhất nguyên.*

*2.3.KSQLCT trong HTCT Việt Nam không tạo ra sự đối trọng quyền lực giữa các chủ thể hợp thành hệ thống.*

*2.4. Đặc điểm về chủ thể, đối tượng, hình thức KSQLCT trong HTCT Việt Nam.*

* Về chủ thể: chủ thể KSQLCT trong HTCT Việt Nam là những cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền chính trị, pháp lý tiến hành các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, phản biện...đối với việc tổ chức và thực thi chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế thực hiện QLCT.
* Về đối tượng: toàn bộ quá trình tổ chức và hoạt động, kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định về thẩm quyền chính trị và pháp lý.
* Về hình thức:

+ Các cơ quan tổ chức đảng thực hiện kiểm soát bằng hình thức lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát.

+ Các cơ quan nhà nước thực hiện kiểm soát chủ yếu bằng hình thức quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra phù hợp với từng đối tượng trong các quan hệ kiểm soát cụ thể.

+ Các tổ chức chính trị-xã hội KSQLCT, QLNN thông quan giám sát, phản biện xã hội đối với việc hoạch định và thực hiện chính sách.

1. **Phương thức kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị Việt Nam**
2. ***Phương thức KSQL của Đảng.***
   1. *Kiểm soát quyền lực trong Đảng.*

* Kiểm soát bằng các hình thức sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật Đảng.
* Kiểm soát thông qua công tác kiểm tra của Đảng
* Kiểm soát thông qua công tác cán bộ.
* Kiểm soát quyền lực bằng hình thức nêu gương
  1. *Kiểm soát quyền lực của Đảng từ phía nhà nước và xã hội.*

Cùng với phương thức “tự kiểm soát”, kiểm soát trong nội bộ Đảng, phương thức kiểm soát từ bên ngoài thông qua các chủ thể của HTCT KSQL của Đảng thể hiện trên các phương diện như sau:

* Kiểm soát việc xây dựng và ban hành chủ trương, đường lối của Đảng.
* Kiểm soát thông qua việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng.
* Kiểm soát quyền lực của Đảng thông qua giám sát và phản biện xã hội.

1. ***Phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước.***

Phương thức kiểm soát quyền lực NN chủ yếu gồm:

* Chế độ báo cáo của các cơ quan nhà nước.
* Hoạt động giám sát.
* Hoạt động kiểm tra.
* Hoạt động thanh tra
* Hoạt động kiểm sát
* Hoạt động xét xử của tòa án
* Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật
* Hoạt động chất vấn
* Bỏ phiếu tín nhiệm
* Trưng cầu ý dân
* Phản biện xã hội, giám sát xã hội
* Giám sát các phương tiện thông tin đại chúng.

Nội dung căn bản kiểm soát là sự tổ chức, phân công, phân nhiệm tức là sự phân quyền giữa các cơ quan nắm giữ QLNN.

1. ***Kiểm soát quyền lực của các tổ chức, đoàn thể nhân dân****.*
2. **Tham khảo mô hình kiểm soát quyền lực ở mô số quốc gia.**
3. ***KSQL ở các quốc gia có mô hình quân chủ lập hiến.***

Trong nội dung này, tác giả có nghiên cứu 2 mô hình cụ thể là Vương quốc Anh, Nhật Bản, Hà Lan,... từ đó rút ra một số điểm như sau:

Thứ nhất, việc KSQL chỉ có thể hiệu quả khi dùng quyền lực để KSQL.

Thứ hai, việc KSQL đạt được thành công nếu tăng cường sự cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thiết chế quyền lực và các thiết chế xã hội.

Thứ ba, muốn KSQL, người dân phải có thông tin và được nhà nước hỗ trợ trong việc tiếp cận công lý.

Thứ tư, sức mạnh thực sự nằm ở xã hội, cần thay đổi tư duy nhà nước quản lý bằng mệnh lệnh hành chính bằng tư duy khoan dung chính trị.

Thứ năm, KSQL phải vừa đảm bảo dân chủ, vừa đảm bảo sự an toàn cho quốc gia.

***2***. ***Mô hình KSQL ở quốc gia theo hình thức cộng hòa tổng thống.***

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Mỹ cho thấy trên thực tế, việc KSQL ở chế độ cộng hòa tổng thống cũng chỉ là hệ quả rút kinh nghiệm của chế độ đại nghị. Hơn nữa về mặt thực định là phân quyền cứng rắn, hành pháp và lập pháp có sự phân biệt cứng rắn, bộ trưởng và tổng thống không là thành viên của nghị viện, tổng thống và các bộ trưởng không có quyền trình dự án luật trước nghị viện, nhưng trên thực tế hành pháp vẫn can thiệp vào LP.

***3. Mô hình KSQL ở một số quốc gia theo hình thức cộng hòa lưỡng tính***

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Pháp, cho thấy: mô hình lưỡng tính là sự kết hợp những yếu tố của chế độ đại nghị và chế độ tổng thống, nhưng có 1 số điểm ưu việt hơn như Quốc hội hoặc CP không thể trở thành quá lạm dụng quyền lực. Và đây cũng là lý do các nước chuyển đổi thường lựa chọn mô hình này.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC TIỄN

1. **Kiểm soát quyền lực của Đảng Cộng sản Việt Nam**
2. ***Việc ban hành các quy định về KSQL trong nội bộ Đảng.***

- Vấn đề kiểm soát đội ngũ cán bộ, công chức là đảng viên: được thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCHTW Đảng kháo X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đề ra mục tiêu xây dựng “đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính và đề ra giải pháp “Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức”; Nghị quyết số 04-NQ/TW, của BCHTW khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện sự diễn biến “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, chỉ thị số 05-CT/TW...

- Để kiểm soát cán bộ, đảng viên trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng: có Kết luận số 21-KL/TW của BCHTW Đảng ngày 25/5/2012; nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng khóa XII, Quy định số 47-QĐ/TW ngày 1/11/2011 của BCHTW về những điều đảng viên không được làm; quy định số 205-QĐ/TW về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

- Về giám sát xã hội đối với tổ chức đảng và đảng viên, ngày 12/12/2013 Bộ Chính trị đã ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Quyết định 217-QĐ/TW) và Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền (Quyết định số 218-QĐ/TW)

1. ***Thực trạng kiểm soát việc ban hành nghị quyết về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển đất nước.***

- Việc kiểm soát nội dung, định hướng và tính đúng đắn của chủ trương, nghị quyết của TƯ đã được thực hiện ngay từ khi khởi thảo, tiếp đến là việc thảo luận, góp ý cho dự thảo; khi còn ở dạng dự thảo hoặc khi đã được ban hành đều có kiểm tra, giám sát xem nghị quyết có phù hợp với Cương lĩnh của Đảng, cơ sở lý luận có phù hợp và có giải quyết được vấn đề cơ bản mà thực tiễn đặc ra hay không, có đi vào cuộc sống hay không.

- Việc kiểm soát ban hành nghị quyết còn được thể hiện ở hoạt động kiểm tra, đánh giá, phản biện việc ban hành và thực hiện các nghị quyết của Đảng.

- Việc kiểm soát ban hành nghị quyết còn thể hiện ở hoạt động sơ kết, tổng kết các nghị quyết, các chủ trương. Thông qua hoạt động này, giúp các cấp ủy, tổ chức đảng phát hiện các vấn đề phù hợp hay không phù hợp để kịp thời phản ánh để cấp có thẩm quyền điều chỉnh. Tác giả có đánh giá việc tổng kết các NQ của TW trong những năm gần đây thường tập trung vào những vấn đề lớn của đất nước, và kết quả của hoạt động này là rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách của Đảng trong giai đoạn tiếp theo.

1. ***Thực trạng kiếm soát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng***

Theo tác giả đánh giá, việc thực hiện tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng hiện nay nhanh hơn, sâu rộng hơn, hình thức đa dạng hơn giúp rút ngắn thời gian triển khai, tiết kiệm ngân sách, người nghe được nghe trực tiếp các đồng chí lãnh đạo cấp cao hoặc những người đã tham gia trực tiếp và quá trình soạn thảo nghị quyết truyền đạt nội dung nên có điều kiện hiểu sâu hơn để thực hiện hiệu quả hơn. Tuy nhiên, do số lượng văn bản được ban hành khá nhiều, trong khi đó, thời gian dành cho việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt NQ, nhất là ở cấp cơ sở không nhiều nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả việc tiếp thu nội dung nghị quyết. Một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ về việc triển khai nghị quyết, coi nhẹ việc giám sát cán bộ, đảng viên tham gia học tập; mặc khác thái độ của của cán bộ, đảng viên chưua nghiêm túc cũng ảnh hưởng đến hiệu quả học tập, quán triệt NQ.

1. ***Thực trạng KSQL thông qua tự phê bình, phê bình trong Đảng.***

Tác giả đánh giá, thời gian qua, công tác phê bình được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm, thực hiện thường kỳ và đột xuất. Hình thức tiến hành có nhiều đổi mới tích cực, dân chủ trong Đảng tiếp tục được mở rộng, thường xuyên gắn phê bình với đánh giá, phân loại chất lượng đảng viên, tổ chức đảng hằng năm; gắn phê bình với khâu công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm lại cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý...qua công tác phê bình cũng rút ra những nhận thức riêng cho mình. Tuy nhiên so với yêu cầu, sự kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được như mong muốn. Không ít cấp ủy chưa coi trọng tự phê bình. Trong sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình thiếu nghiêm túc, qua loa, chiếu lệ, dễ người dễ ta, có biểu hiện thỏa hiệp, không tỏ thái độ đúng sai...Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở.

1. ***Thực trạng kiểm soát công tác cán bộ của Đảng***

Trong công tác cán bộ, Đảng ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, năng lực, sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao, phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới, vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt.

Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cấp cao, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí,...Nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” còn hình thức, không xác định rõ cơ chế trách nhiệm; lạm dụng quyền lực trong công tác cán bộ đồng thời là nguyên nhân dẫn tới tham nhũng; phân công, phân cấp, phân quyền chưa gắn với ràng buộc trách nhiệm, với tăng cường kiểm ta, giám sát và chưa có cơ chế đủ mạnh để kiểm soát chặt chẽ quyền lực; công tác quy hoạch còn thiếu tính tổng thể, liên thống giữa các cấp, các ngành, các địa phương còn dàn trải, khép kín. Việc sắp xếp, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vẫn còn tình trạng đúng quy trình nhưng chưa đúng người, đúng việc...

1. ***Thực trạng kiểm soát thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.***

Công tác kiểm tra, giám sát tiếp tục được tăng cường, góp phần giải quyết được các vụ án nổi cộm, phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm; phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; khắc phục, chấn chỉnh các hạn chế, khuyết điểm...

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái... Tính trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ các bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vấn còn nghiêm trọng, tập trung vào số dảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước.

1. ***Thực trạng kiểm soát quyền lực của Đảng bằng hình thức nêu gương.***

Theo tác giả, nhìn chung, việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm, không tuân thủ nguyên tắc của Đảng; quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao.

1. ***Thực trạng giám sát của nhân dân đối với Đảng.***

Qua hoạt động giám sát, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng Đảng được nâng lên, góp phần phát huy dân chủ trong xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, góp phần nâng cao năng lực, uy tín của lãnh đạo các cấp ủy đảng. Tuy nhiên, hiệu quả giám sát còn thấp, chưa thường xuyên

1. **Thực trạng kiểm soát quyền lực nhà nước**
2. ***Kết quả kiểm soát của Đảng đối với quyền lực nhà nước.***

Hệ thống pháp luật đã được định hình một cách rõ nét, đảm bảo tính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các luật, pháp lệnh cơ bản đáp ứng các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch thể hiện tư duy pháp lý mới, đảm bảo được sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các lĩnh vực KT, CT,VH, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, qua tổng kết thực hiện chủ trương, đường lói co của Đảng cho thấy hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đồng bộ, còn thiếu tính ổn định và dự báo, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn.

* Đối với hoạt động bộ máy các cơ quan hành pháp: các văn kiện của Đảng đều nhấn mạnh nhiệm vụ cải cách hành chính. Qua công tác kiểm tra, giám sát và tổng kết việc thực hiện chủ trương của Đảng về cải cách hành chính cho thấy cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chậm, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế...
* Đối với hoạt động của cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng, hoàn thiện NNPQXHCN, hội nhập kinh tế quốc tế và phục vụ nhân dân; nền tư pháp chưa tiên tiến, chưa hiện đại so với mặt bằng chung của thế giới, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu và mong muốn của người dân.

1. ***Kiểm soát của Quốc hội đối với cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp.***
2. ***Kiểm soát của Chủ tịch nước đối với cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan thực hiện quyền tư pháp.***
3. ***Kiểm soát của cơ quan thực hiện quyền tư pháp đối với cơ quan thực hiện quyền hành pháp.***
4. ***Kiểm soát của Chính phủ đối với cơ quan thực hiện quyền lập pháp và cơ quan thực hiện quyền tư pháp.***
5. ***Kiểm soát của Chính phủ trong nội bộ hệ thống cơ quan hành pháp.***
6. ***Kiểm soát giữa các cơ quan trong hệ thống tư pháp.***
7. ***Nhận xét chung về thực trạng KSQL giữa các cơ quan nhà nước.***
8. **Kiểm soát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, kiểm soát của nhân dân và của báo chí.**
9. ***Thực trạng kiểm soát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội, kiểm soát của nhân dân.***

* Trong hầu hết các văn bản pháp luật hiện nay, vai trò giám sát, phản biện của tổ chức chính trị-xã hội chỉ mới dừng ở quy định có tính nguyên tắc về quyền năng giám sát, phản biện mà chưa có quy định cụ thể và đầy đủ về cơ chế, chính sách, về quyền và trách nhiệm của chủ thể bị giám sát và chủ thể giám sát, về điều kiện bảo đảm cho hoạt động giám sát, cơ chế tiếp nhận, giải quyết, xử lý vi phạm và trả lời cho chủ thể giám sát.
* Một số quy định KSQL của nhân dân đối với bộ máy NN thiếu đồng bộ dẫn đến việc áp dụng luật còn khó khăn, hiệu quả kiểm soát của MTTQ và các tổ chức thành viên chưa cao.
* Mô hình hoạt động giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội chưa độc lập với các cơ quan nhà nước. Trên thực tế, MTTQ các cấp mới chỉ đóng vai trò là cơ quan phối hợp, là cơ quan tham gia thực hiện giám sát chứ chưa thể hiện được vai trò giám sát của mình một cách chủ động với các chủ thể KSQLNN khác.

1. ***Thực trạng kiểm soát của báo chí***

Những năm gần đây, báo chí đã chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội, đóng góp tích cực vào việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn XH. Tuy nhiên, do chưa có cơ cụ thể quy định về vai trò KSQL của báo chí nên không phải khi nào người đứng đầu cơ quan, tổ chức cũng trả lời nhũng kiến nghị của báo chí nên hiệu quả giám sát cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

1. **Thực trạng kiểm soát quyền lực đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.**

Đảng KSQL đối với MTTQVN và các đoàn thể chính trị thể hiện ở việc ban hành chủ trương, chính sách để NN cụ thể hóa bằng các quy định của pháp luật, giới thiệu đảng viên ứng cử giữ các chức vụ quan trọng trong MTTQVN và các đoàn thể chính trị-xã hội để thực thi đường lối, chính sách của Đảng, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thời gian qua, các cơ quan kiểm tra của MTTQVN và các đoàn thể chính trị-xã hội đã thực hiện có hiệu quả việc KSQL trong nội bộ của từng tổ chức mình, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các tổ chức, cá nhân, kể cả người đứng đầu tổ chức trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ.

1. **Yêu cầu KSQL trong HTCT trong tình hình mới.**

Việc nghiên cứu về cơ chế tối ưu KSQL trong HTCT cần tính đến cơ sở lý luận của khoa học tổ chức, đó là:

- Xác định những giá trị phổ quát của KSQLCT trong HTCT.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của KSQL trong HTCT trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bản chất cách mạng của đảng vô sản, bản chất dân chủ của nhà nước XHCN, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

- Xây dựng mô hình lý luận về KSQLNN phải tính đến các thành tựu lý luận và kinh nghiệm tổ chức thực tiễn mà nhân loại đã đạt được trong quá trình đấu tranh vì một nền dân chủ đã và đang đem lại nhiều kinh nghiệm cho các dân tộc trong quá trình tìm kiếm một mô hình tổ chức chính trị phù hợp.

- Tu duy mới về KSQLCT đòi hỏi không chỉ khắc phục những biểu hiện của tính lý luận chung chung, xác định rõ nội hàm của vấn đề KSQL để từ đó chuyển hóa các nguyên tắc từ tính chất chính trị sang nội dung pháp lý.

1. **Phương hướng tăng cường kiểm soát quyền lực trong HTCT.**
2. ***Xây dựng hệ thống lý luận hoàn chỉnh về KSQL trong HTCT.***
3. ***Xây dựng cơ chế chính trị và cơ chế pháp lý KSQL của Đảng với tư cách là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.***
4. ***Tiếp tục hoàn thiện cơ chế KSQLNN theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.***
5. ***Hình thành cơ chế giám sát đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.***
6. **Các giải pháp tăng cường kiểm soát quyền lực chính trị trong hệ thống chính trị.**
7. ***KSQLCT của Đảng***
   1. *KSQLCT trong hoạch định đường lối, chính sách của Đảng.*
   2. *KSQL trong tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng.*
   3. *KS chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ của Đảng.*
   4. *Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình trong Đảng, bảo đảm và phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền.*
   5. *Quyết liệt đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*
   6. *Xử lý kịp thời và nghiêm minh các vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước.*
   7. *Thường xuyên củng cố và tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân, kiên quyết chống quan liêu và xa rời quần chúng.*
   8. *Luật hóa tổ chức và hoạt động của Đảng.*
8. ***Giải pháp KSQL đối với Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.***
   1. *Giải pháp chung.*

* Hoàn thiện cơ chế pháp lý về KSQLNN, gắn với mục tiêu phát huy dân chủ, xây dựng NNPQ XHCN.
* Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.
* Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cụ thể hóa cơ chế phòng ngừa, phát hiện, xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng.
  1. *Các giải pháp cụ thể đối với các cơ quan trong bộ máy nhà nước.*
* Đối với Quốc hội: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hoạt động của QH trong việc thực hiện các chức năng: lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao gắn với các mục tiêu KSQL, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế tự giám sát của mỗi cơ quan QH, đặc biệt là cơ chế giám sát, đánh giá hoạt động của đại biểu QH, để mỗi đại biểu tự mình KS hoạt động của chính mình; đổi mới cơ chế bầu cử,...

Nghiên cứu thành lập cơ quan Thanh tra Quốc hội (tương tự Ủy ban giám sát quốc gia). Cơ quan này do QH bầu ra để thực hiện giám sát hoạt động của cá cơ quan NN, các đơn vị sự nghiệp công lập doanh nghiệp NN, công chức và viên chức NN.

* Xây dựng chính phủ kiến tạo, liêm chính, phục vụ nhân dân: xây dựng nền hành chính NN phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của CP theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực....

Tăng cường giám sát, thanh ta, kiểm tra; xử lý nghiệm các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhũng nhiễu, tiêu cực, trục lợi, vi phạm các chuẩn mực liêm chính công vụ.

- Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính. Trong cải cách tư pháp, điều quan trọng là thực hiện nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật mà Hiến pháp quy định; tăng cường công khai bản án cùng với yêu cầu về nội dung của bản án sẽ là cơ sở để Quốc hội, UBTVQH và HĐND các cấp và nhân dân giám sát xét xử một cách chính xác, thực chất và hiệu quả.

* 1. *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể xã hội và nhân dân trong việc giám sát thực hiện QLCT.*

Nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Giám sát xã hội và phản biện xã hội, đổi mới phương thức hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan Đảng và MTTQVN và các tổ chức thành viên, Ban Thanh tra nhân dân trong việc cung cấp thông tin, bảo đảm cho các chủ thể giám sát nhân dân có đầy đủ thông tin kịp thời, chính xác làm căn cứ để giám sát; có cơ chế công khai về việc tiếp thu, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của cơ quan và người có thẩm quyền đối với các kiến nghị giám sát nhân dân; bổ sung các chế tài đối với trường hợp không tiếp nhận, ...

1. ***Xây dựng cơ chế kiểm soát việc thực hiện QLCT đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.***

Cần tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với MTTQ và các đoàn thể CT-XH là thường xuyêng, chặt chẽ, có hiệu lực và hiệu quả cao trong việc KSQL đối với MTTQ và các tổ chức CT-CH nhằm làm cho tổ chức đó thực hiện đúng các quy định của từng đoàn theo điều lệ và các quy định của pháp luật; Sự tham gia, giám sát và phản biện của công dân, truyền thông và các tổ chức chính trị các cấp đóng vai trò quan trọng trong cơ chế KSQL; sớm hoàn thiện pháp luật về hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định tại Điều 25 HP năm 2013.

**IV.Giá trị vận dụng ở Học viện Chính trị khu vực I.**

Nội dung và các tiếp cận vấn đề, nhiều nội dung liên quan đến một số bộ môn trong chương trình cao cấp lý luận chính trị như khoa Chính trị học, khoa Nhà nước và pháp luật, khoa Xây dựng đảng, khoa Lãnh đạo học và Chính sách công... Đây là một tư liệu quý cho cán bộ, giảng viên có thể vận dụng, khai thác trong các bài giảng chuyên môn của mình cũng như trong nghiên cứu khoa học.

Đối với bộ môn chính trị học, đây là một công trình nghiên cứu cung cấp cho giảng viên những kiến thức căn bản về hệ thống chính trị, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, thực trạng việc kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực...giúp cho giảng viên có cái nhìn tổng quan, toàn diện, nhiều chiều cạnh về kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị trong điều kiện xây dựng NNPQXHCN ở Việt Nam hiện nay.

**Người giới thiệu**

**TS. Nguyễn Thị Ưng**